TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **116/**2021/DS-ST
Ngày: 26/8/2021
V/v T/C Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

2. Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2021, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 304/2020/TLST-DS ngày 23/10/2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2021/QĐXXST-DS ngày 15/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2021/QĐST-DS ngày 14/7/2021, Thông báo số 706/TB-TA ngày 22/7/2021 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Tô Ngọc H**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số Y, ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Bé T** (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/02/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Ngọc H trình bày:

Bà H làm chủ hụi, bà T là hụi viên tham gia 02 dây hụi, sau khi hốt hụi bà T không đóng hụi chết, cụ thể như sau:

Dây hụi 1: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 30/9/2018 âm lịch, hụi mãn ngày 30/10/2020 âm lịch, có 27 phần, bà T tham gia 03 phần và hốt hết 03 phần. Bà T đóng hụi chết đến ngày 30/01/2020 âm lịch thì ngưng không đóng hụi chết nữa. Từ tháng 02/2020 âm lịch đến tháng 7/2020 âm lịch thì bà T không đóng hụi chết cho bà, bà phải bỏ tiền ra đóng hụi chết thay bà T từ sau ngày 30/02/2020 âm lịch đến ngày 30/7/2020 âm lịch (nhuần 02 tháng 4), tổng cộng đóng thay bà T 10 tháng x 500.000 đồng x 3 phần = 15.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn.

Dây hụi 2: Hụi mùa (04 tháng khui 01 lần), 3.000.000 đồng, mở ngày 20/3/2018 âm lịch, hụi mãn ngày 20/7/2023 âm lịch, có 17 phần, bà Ttham gia 01 phần, bà T đã hốt xong, bà T không đóng hụi chết cho bà 03 vụ ngày 20/3/2020 âm lịch, 20/7/2020 âm lịch. 20/11/2020 âm lịch. Bà phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà T 03 vụ là 9.000.000 đồng. Dây hụi này còn lại 08 vụ chưa đến hạn khui.

Nay bà Tô Ngọc H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách buộc bà Lê Thị Bé T có trách nhiệm trả lại bà 24.000.000 đồng tiền hụi còn thiếu.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Bé T: Tại Biên bản hòa giải ngày 16/11/2020, bà T cho rằng: Bà thừa nhận có tham gia 02 dây hụi như bà H trình bày nhưng bà không có nợ tiền bà H mà thực tế là bà H còn thiếu bà, cụ thể là:

- Dây hụi tháng 500.000 đồng, bà còn 02 phần hụi sống, mỗi phần đã đóng được 17 lần, một phần hụi chết bà còn thiếu lại 09 lần với số tiền là: 09 lần x 500.000 đồng = 4.500.000 đồng. Bà không nhớ chính xác là đóng hụi sống bao nhiêu nhưng hụi viên thường kêu giá hơn 200.000 đồng, bà chỉ đóng gần 300.000 đồng.

- Dây hụi mùa 3.000.000 đồng, bà đã đóng hụi sống được 08 lần. Dây hụi này bà chưa hốt.

Cấn trừ qua lại thì dây hụi này bà H còn nợ tiền của bà chứ không phải bà nợ bà H. Bà cho rằng sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả tiền hụi còn nợ của bà.

Từ sau ngày hòa giải trên, bà T không làm đơn yêu cầu phản tố, không tham gia đối chất và các giai đoạn tố tụng khác nên Tòa án không thu thập thêm lời khai và ý kiến của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà T phải có trách nhiệm trả số tiền hụi 24.000.000 đồng là phù hợp với danh

sách hụi viên cùng góp vốn khui ngày 30/9/2018 âm lịch và 20/3/2018 âm lịch (bút lục 06, 24), do nguyên đơn bà H làm chủ hụi; và bà T thừa nhận có tham gia hụi này như bà H trình bày (bút lục 55 - 56); đây là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, có cơ sở để khẳng định bà T có tham gia 02 dây hụi nêu trên do bà H làm chủ hụi. Việc bà T cho rằng không có nợ hụi như nguyên đơn bà H yêu cầu, nhưng bị đơn bà T không đưa ra được chứng cứ, chứng minh, nên không có cơ sở xem xét.

Xét hợp đồng hóp hụi, là sự thoả thuận giữa các bên trên tinh thần tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng hai bên đều có đầy đủ hành vi năng lực dân sự, nên các hợp đồng này được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Về lỗi thì bị đơn đã vi phạm việc thỏa thuận góp hụi.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 27 Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Tô Ngọc H và bị đơn bà Lê Thị Bé T thì các bên thống nhất bà H là chủ hụi, bà T là hụi viên và có tham gia của bà H 02 dây hụi:

Dây hụi 1: Hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 30/9/2018 âm lịch, có 27 phần, bà Ttham gia 03 phần. Dây hụi này đã mãn.

Dây hụi 2: Hụi mùa (04 tháng khui 01 lần), 3.000.000 đồng, mở ngày 20/3/2018 âm lịch, hụi mãn ngày 20/7/2023 âm lịch, có 17 phần, bà Ttham gia 01 phần.

Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, các bên không thống nhất việc bà T đã hốt hụi hay chưa, hốt bao nhiêu phần.

[2.2] Việc giao dịch hụi giữa các bên đều không có làm giấy tờ nhưng bà H đã cung cấp được một số người làm chứng là bà Mai Thị Trúc L, bà Lê Thị Bé N (em ruột bà T) là các hụi viên cùng 02 dây hụi trên đã chứng kiến lúc khui hụi bà T đã ra lời và hốt hụi hết các phần hụi của 02 dây hụi trên. Riêng bà T cho rằng bà còn 02 phần hụi sống của dây

hụi tháng 500.000 đồng và 01 phần hụi của dây hụi mùa 3.000.000 đồng nhưng kể từ sau ngày hòa giải 16/11/2020 cho đến nay, Tòa án nhiều lần mời bà T đến Tòa tham gia tố tụng (trong đó có đối chất) nhưng bà T đều không đến và có nhiều lần từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Bà T cũng không có yêu cầu phản tố và không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh lời trình bày của bà.

[2.3] Hội đồng xét xử thấy rằng, Hợp đồng góp hụi giữa bà H và bà T được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các bên là hợp pháp.

Việc bà T hốt hụi đã có người chứng kiến nên việc bà H yêu cầu bà T trả tiền hụi chết của những lần khui đã đến hạn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Ngọc H, buộc bà Tcó nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hụi chết đã đến hạn tính đến ngày bà H khởi kiện (ngày 22/02/2021), gồm:

Dây hụi tháng 500.000 đồng là 10 lần khui x 3 phần hụi x 500.000 đồng = 15.000.000 đồng;

Dây hụi mùa 3.000.000 đồng là 03 lần khui x 1 phần hụi x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng;

Tổng cộng là 24.000.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 24.000.000 đồng x 5% = 1.200.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Bé T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Tô Ngọc H số tiền nợ hụi tính đến ngày 22/02/2021 là 24.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Tô Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lê Thị Bé T còn phải có trách nhiệm trả lãi cho bà Tô Ngọc H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá là 1.200.000 đồng.

Bà Tô Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 712.500 đồng từ các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006715 ngày 23/10/2020 và số 0008840 ngày 22/02/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa